

Số: /BVNT-D-TTBYT
V/v mời báo giá (lần 2) gói thầu mua sắm
vật tư, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh
năm 2025 (lần 1)

Bắc Giang, ngày 14 tháng 03 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh năm 2025 (lần 1) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang (địa chỉ: phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Đoàn Chúc Thương- khoa Dược – TTBYT Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện Thoại : 0985388585

Email : baogiabvntbg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận báo giá **đồng thời** bằng 2 cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược – TTBYT Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang (địa chỉ: Phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)

- Nhận qua email: baogiabvntbg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 14 tháng 03 năm 2025 đến trước 17h ngày 24 tháng 03 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ 17h ngày 24 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục các vật tư, hóa chất yêu cầu theo phụ lục gửi kèm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản:

- *Địa chỉ cung cấp: tại kho của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang, phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.*

- *Yêu cầu về vận chuyển bảo quản: hàng hóa được bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, giao hàng tại kho của bên mua, mọi chi phí trong quá trình vận chuyển do bên bán chịu, bên mua không phải trả thêm chi phí nào khác.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Hàng hóa được giao thành từng đợt, cung cấp trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mua.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không áp dụng

- Thanh toán: thanh toán thành từng đợt theo khối lượng hàng hóa đã cung cấp, thanh toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán.

Mẫu báo giá các đơn vị thực hiện theo biểu mẫu gửi kèm yêu cầu báo giá dưới đây.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo đơn vị,
- Đăng tải website bệnh viện, muasamcong.mpi.gov.vn
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Hoàng Xuân Thúc

MẪU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, hóa chất như sau:

1. Báo giá cho các vật tư, hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư, hóa chất	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ hàng hóa	Năm sản xuất	Hãng sản xuất- Nước sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)

Đơn giá đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và các dịch vụ liên quan.

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư, hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật đề xuất	ĐVT	Số lượng
I. HÓA CHẤT SINH HÓA				
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Dùng cho xét nghiệm định lượng ALT. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Dải đo: từ 8,5 U/L đến 500 U/L.	ml	7.200
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Dùng cho xét nghiệm định lượng AST. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Dải đo: từ 7,15 U/L đến 500 U/L.	ml	7.200
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol	Dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Dải đo: từ 4,2 mg/dL đến 1000 mg/dL (từ 0,109 đến 26 mmol/L).	ml	9.000
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Dùng cho xét nghiệm định lượng triglycerid. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Dải đo: từ 0,067 mmol/L đến 6,78 mmol/L.	ml	9.000
5	Chất chuẩn cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA	Chất chuẩn cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA. Dạng bột đông khô, chứa albumin người	ml	2
6	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA nước tiểu mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA nước tiểu mức 1. Dạng bột đông khô, thành phần: nước tiểu người	ml	5
7	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA nước tiểu mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm MICROALBUMINURIA nước tiểu mức 2. Dạng bột đông khô, thành phần: nước tiểu người	ml	5
II. HÓA CHẤT MIỄN DỊCH MÁY LIAISON XL				
8	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Tg	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Tg. Dạng bột đông khô	ml	8
9	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-Tg	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-Tg. Dạng bột đông khô	ml	8
10	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-TPO	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-TPO. Dạng bột đông khô	ml	8
III. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU SF8050				
11	Hóa chất xét nghiệm PT	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian prothrombin trong huyết tương người. Khoảng tham chiếu: 11s-14s ; PT radio : 0,85-1,15 ; INR : 0,8-1,24 Thành phần: 2% bột nảo thô, 0,01% canxi clorua, 3% mannitol và 2% albumin huyết thanh bò; bộ đệm hoàn nguyên là bộ đệm tris 5%;	ml	192
12	Hóa chất xét nghiệm APTT	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) của huyết tương người Khoảng tham chiếu: 27-45 giây Thành phần: 0.45% cephalin, 2% silica, 0.02% CHAPS surfactant, và 3% mannitol; CaCl2 0.025 mol/L	ml	96

13	Hóa chất xét nghiệm FIB	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định hàm lượng Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người Thành phần: 0,09% thrombin, 0,01% canxi clorua, 3% mannitol và 2% albumin huyết thanh bò; bộ đệm imidazole 5%. FIB reagent: 6x2mL + Imidazole Buffer: 1x25mL Khoảng tham chiếu: 2.0g/L-4.0g/L	ml	148
14	Hóa chất kiểm soát chất lượng mức 1 cho các xét nghiệm đông máu	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 1 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT) Thành phần: Huyết tương lợn chống đông máu natri citrat 109 mmol/L, albumin huyết thanh bò (BSA) 20 mg/mL và natri benzoat 20 mg/mL.	ml	12
15	Hóa chất kiểm soát chất lượng mức 2 cho các xét nghiệm đông máu	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 2 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT) Thành phần: Huyết tương lợn chống đông máu natri citrat 109 mmol/L, albumin huyết thanh bò (BSA) 20 mg/mL và natri benzoat 20 mg/mL	ml	12
16	Dung dịch rửa kim máy đông máu	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để rửa kim hút Thành phần: Nước tinh khiết, Natri hydroxit, Chất hoạt động bề mặt, Chất ổn định, Chất bảo quản	ml	360
17	Dung dịch rửa dùng cho máy đông máu	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để bảo trì và làm sạch hệ thống đường ống máy. Thành phần: Nước tinh khiết, chất bảo quản	ml	400
18	Cồng đo dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Tính năng: Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định các thông số đông máu thông qua hệ thống đo cơ-quang học	Cái	3.000
IV. HÓA CHẤT, VẬT TƯ PHỤC VỤ MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH Iflash 3000-C				
19	Thuốc thử định lượng T3	Tính năng: thuốc thử định lượng T3 Phương pháp xét nghiệm: Competitive Dải đo: 0.20-8.0 ng/mL	Test	1.000
20	Thuốc thử định lượng FT4	Tính năng: thuốc thử định lượng FT4 Phương pháp xét nghiệm: Competitive Dải đo: 3.00-60 pg/mL hoặc 3,816-77,22 pmol/L	Test	5.000
21	Thuốc thử định lượng TSH	Tính năng: thuốc thử định lượng TSH Phương pháp xét nghiệm: Sandwich Dải đo: 0.005-100 µIU/mL	Test	5.000
22	Thuốc thử định lượng Anti-TSHR	Tính năng: thuốc thử định lượng Anti-TSHR Phương pháp xét nghiệm: Competitive Dải đo: 0.82-40.0 IU/L	Test	500
23	Thuốc thử kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch	Thuốc thử kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch	ml	12
24	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-TSHR	Thuốc thử kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-TSHR	ml	4.0

25	Nước rửa cho máy miễn dịch	Nước rửa cho máy miễn dịch Iflash	Lít	460
26	Cơ chất phát quang dùng cho giai đoạn tiền phản ứng miễn dịch	Cơ chất phát quang dùng cho giai đoạn tiền phản ứng miễn dịch	ml	7.200
27	Cơ chất phát quang dùng cho phản ứng miễn dịch	Cơ chất phát quang dùng cho phản ứng miễn dịch	ml	10.800
28	Giếng phản ứng sử dụng cho máy miễn dịch	Giếng phản ứng sử dụng cho máy miễn dịch	Cái	12.000
29	Nước rửa kim máy miễn dịch	Nước rửa kim máy miễn dịch	ml	90
	CỘNG: 29 loại			